

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI: TIẾP CẬN TỪ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ ĐẾN NĂNG LỰC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (ENHANCING THE OPERATIONAL EFFICIENCY OF THE 16TH NATIONAL ASSEMBLY DEPUTIES: AN APPROACH FROM LEGAL STATUS TO TASK PERFORMANCE CAPACITY)

TS. HOÀNG THỊ LAN

Phó Tổng biên tập Tạp chí Dân chủ và Pháp luật.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Đại biểu Quốc hội; địa vị pháp lý; Quốc hội khóa XVI; năng lực thực hiện nhiệm vụ; hiệu quả hoạt động.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 25/3/2026
Hoàn thành phản biện : 05/4/2026
Duyệt đăng : 07/4/2026

Tóm tắt:

Trong bài viết này, tác giả tập trung phân tích quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội¹ về địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội, khẳng định nguyên tắc bình đẳng giữa đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách, đồng thời làm rõ sự khác biệt thông qua điều kiện và mức độ thực thi nhiệm vụ. Từ thực tiễn hoạt động của Quốc hội khóa XV và kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bài viết chỉ ra xu hướng nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng và yêu cầu ngày càng cao đối với đại biểu Quốc hội. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội.

Article Information:

Keywords: National Assembly deputies; legal status; 16th National Assembly; task performance capacity; operational efficiency.

Article History:

Received : 25 Mar 2026
Review completed : 05 Apr 2026
Approved : 07 Apr 2026

Abstract:

The author focuses on analyzing the provisions of the Constitution and the Law on Organization of the National Assembly regarding the legal status of National Assembly deputies. The article affirms the principle of equality between full-time and part-time deputies, while clarifying differences through the conditions and levels of task execution. Based on the practical activities of the 15th National Assembly and the election results of the 16th National Assembly, the article identifies the trend toward professionalism, quality, and increasing requirements for deputies. On this basis, the author proposes several solutions to improve the effectiveness of the deputies' activities.

Đặt vấn đề

Trong thiết chế quyền lực nhà nước, Quốc hội không chỉ là cơ quan thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, mà còn là trung tâm của đời sống chính trị - pháp lý quốc gia, nơi kết tinh

ý chí, nguyện vọng của Nhân dân và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Giữ vị trí vai trò trung tâm của Quốc hội là đại biểu Quốc hội (ĐBQH) - chủ thể trực tiếp thực thi quyền lực nhà nước thông qua hoạt

¹⁾ Tập trung vào Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025) và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 ngày 19/6/2020 và Luật số 62/2025/QH15 ngày 17/02/2025).

động lập hiến, lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng.

Vì vậy, chất lượng hoạt động của Quốc hội, xét đến cùng, được quyết định bởi bản lĩnh, năng lực và hiệu quả hoạt động của từng đại biểu. Trong thực tiễn và qua các báo cáo tổng kết hoạt động của Quốc hội², nhiều ý kiến³ cho rằng, ĐBQH hoạt động chuyên trách có điều kiện tham gia sâu hơn vào các hoạt động lập pháp, giám sát so với đại biểu kiêm nhiệm. Qua đó, dễ dẫn đến cách nhìn nhận sự khác biệt giữa ĐBQH hoạt động chuyên trách và ĐBQH hoạt động không chuyên trách là yếu tố chi phối đến chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI được tổ chức thành công, với tổng số 500 đại biểu trúng cử, trong đó đại biểu hoạt động chuyên trách đạt 40%. Trong bối cảnh đang diễn ra Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI - kỳ họp có ý nghĩa nền tảng cho cả nhiệm kỳ, việc nhận diện đúng bản chất địa vị pháp lý và phương thức hoạt động của ĐBQH đặt ra yêu cầu cấp thiết. Tác giả bài viết tập trung phân tích và khẳng định tính thống nhất trong địa vị pháp lý của ĐBQH, làm rõ vấn đề cốt lõi không nằm ở “tính chất hoạt động”, mà ở cách thức thực thi địa vị pháp lý của mình thông qua năng lực và kỹ năng của mỗi đại biểu.

1. Địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội và các bảo đảm hiến định

1.1. Địa vị pháp lý của đại biểu Quốc hội

Ngay từ khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định việc tổ chức Tổng

tuyên cử để bầu ra Quốc hội là nhiệm vụ cấp bách, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân và khẳng định chủ quyền của Nhà nước Việt Nam độc lập. Ngày 06/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử đã được tổ chức trên phạm vi cả nước. Tại 71 tỉnh, thành, 89% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu bầu được 333 ĐBQH khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa⁴. Từ đó đến nay, Quốc hội luôn giữ vị trí là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân và ĐBQH là chủ thể trung tâm thực hiện chức năng đại diện. Trải qua 80 năm hình thành và phát triển, với 15 nhiệm kỳ Quốc hội và đang bước vào những ngày đầu của nhiệm kỳ thứ XVI, qua năm bản Hiến pháp, địa vị pháp lý của ĐBQH được xác định trên ba trụ cột:

Thứ nhất, tính đại diện toàn quốc.

Ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, địa vị pháp lý của ĐBQH đã được xác lập rõ ràng. Điều thứ 25 Hiến pháp năm 1946 quy định: “*Nghị viên không phải chỉ thay mặt cho địa phương mình mà còn thay mặt cho toàn thể nhân dân*”. Quy định này đặt nền móng cho nguyên tắc đại diện toàn quốc của ĐBQH, vượt khỏi phạm vi đơn vị bầu cử.

Nguyên tắc này tiếp tục được kế thừa và phát triển qua những bản Hiến pháp các năm 1959, 1980 và 1992, từng bước được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong từng giai đoạn. Đến Hiến pháp năm 2013⁵, nguyên tắc đại diện toàn quốc của ĐBQH được khẳng định đầy đủ, rõ ràng hơn. Khoản 1 Điều 79 Hiến pháp

² Báo cáo số 23/BC-QH15 ngày 26/12/2025 về công tác của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XV.

³ Nguyễn Nhân Tô, *Từ chuyên trách đến chuyên nghiệp*, <https://daibieunhandan.vn/tu-chuyen-trach-den-chuyen-nghiep-10245258.html>, truy cập ngày 01/4/2026.

⁴ 80 năm Quốc hội Việt Nam - Thời gian và con đường, <https://danchuphapluat.vn/80-nam-quoc-hoi-viet-nam-thoi-gian-va-con-duong-7904.html>, truy cập ngày 01/4/2026.

⁵ Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2015/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội khóa XV.

năm 2013 quy định: “*ĐBQH là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước*”. Theo đó, mặc dù được bầu tại một đơn vị bầu cử, ĐBQH không chỉ đại diện cho cử tri tại địa phương mà còn đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân cả nước. Đây là nguyên tắc xuyên suốt, bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước.

Thứ hai, trách nhiệm chính trị, pháp lý trước cử tri và trước Quốc hội.

Dưới góc độ tích cực, trách nhiệm chính trị và pháp lý của ĐBQH trước Quốc hội và cử tri được thể hiện ở nghĩa vụ gắn bó chặt chẽ với cử tri. Khoản 2 Điều 79 Hiến pháp năm 2013 quy định ĐBQH phải liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri đến Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan; thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Quốc hội; trả lời yêu cầu, kiến nghị của cử tri; đồng thời theo dõi, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn, hỗ trợ công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật. Đây là phương diện thể hiện tính chủ động, thường xuyên và liên tục của trách nhiệm đại diện.

Ở góc độ khác, trách nhiệm chính trị và pháp lý của ĐBQH được bảo đảm thông qua cơ chế bãi nhiệm nhằm duy trì sự ràng buộc giữa đại biểu với Nhân dân. Quyền này được ghi nhận từ Hiến pháp năm 1946⁶, kế thừa qua các giai đoạn, cụ thể hóa trong các luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội⁷. Hiến pháp năm 2013 hoàn thiện rõ hơn cơ chế này khi quy định tại khoản 2 Điều 7 việc ĐBQH

có thể bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm nếu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân; đồng thời, Điều 85 đặt ra yêu cầu chặt chẽ về thủ tục, theo đó việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số ĐBQH biểu quyết tán thành. Thực tiễn các nhiệm kỳ Quốc hội cho thấy, cơ chế bãi nhiệm đã được áp dụng, trong đó riêng nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV có 04 đại biểu bị bãi nhiệm⁸. Điều này khẳng định tính hiện thực và hiệu lực của thiết chế bãi nhiệm trong việc bảo đảm trách nhiệm của ĐBQH trước cử tri và Nhân dân, đồng thời đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tính chịu trách nhiệm và chuẩn mực trong hoạt động của đại biểu.

Thứ ba, quyền chủ động, độc lập tương đối trong thực thi nhiệm vụ.

Trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, ĐBQH có quyền chủ động, độc lập tương đối trong thực hiện nhiệm vụ, bao gồm tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, thực hiện giám sát, chất vấn và kiến nghị. Sự độc lập bảo đảm đại biểu thực hiện đầy đủ vai trò đại diện, không bị chi phối bởi lợi ích cục bộ hoặc các tác động không chính đáng.

Các quyền của ĐBQH gắn với việc thực hiện các chức năng cơ bản của Quốc hội, có thể khái quát thành ba nhóm chủ yếu: (i) Nhóm quyền giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước. Theo Điều 80 Hiến pháp năm 2013, ĐBQH có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các chức danh khác; quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu; yêu cầu trả lời trong thời hạn luật định. Đây là những công cụ pháp lý quan trọng để thực

⁶ Điều thứ 20 Hiến pháp năm 1946 quy định: “*Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra, theo Điều thứ 41 và 61*”.

⁷ Ví dụ: Điều 66 Luật Tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước năm 1981 quy định ĐBQH có thể bị cử tri bãi miễn nếu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân.

⁸ Báo cáo số 23/BC-QH15 ngày 26/12/2025 về công tác của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XV, tr. 21.

hiện chức năng giám sát tối cao của Quốc hội. (ii) Nhóm quyền tham gia hoạt động lập pháp. Theo Điều 84 Hiến pháp năm 2013, ĐBQH có quyền trình kiến nghị về luật, pháp lệnh; quyền trình dự án luật, pháp lệnh theo quy định của pháp luật. Thông qua đó, đại biểu trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật; (iii) Nhóm quyền tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Theo Điều 85 Hiến pháp năm 2013, ĐBQH tham gia thảo luận, biểu quyết thông qua luật, nghị quyết và quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia, bao gồm cả những vấn đề đặc biệt như sửa đổi Hiến pháp hoặc quyết định liên quan đến nhiệm kỳ của Quốc hội.

1.2. Quyền miễn trừ và các bảo đảm thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội

Để bảo đảm ĐBQH thực hiện đầy đủ, hiệu quả nhiệm vụ, Hiến pháp năm 2013 quy định đồng bộ các điều kiện hoạt động và cơ chế bảo đảm về tổ chức - pháp lý. Theo Điều 82, ĐBQH có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình; được tham gia Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội; đồng thời được bảo đảm các điều kiện cần thiết cho hoạt động, bao gồm kinh phí, phương tiện và sự hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước có liên quan. Đây là những bảo đảm mang tính nền tảng, tạo điều kiện để đại biểu thực hiện hiệu quả chức năng đại diện.

Bên cạnh đó, Hiến pháp thiết lập cơ chế quyền miễn trừ nhằm bảo đảm tính độc lập trong hoạt động của đại biểu. Theo Điều 81 Hiến pháp năm 2013, ĐBQH không thể bị bắt, giam, giữ, khởi tố nếu không có sự đồng ý của Quốc hội hoặc của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (trong thời gian Quốc hội không họp); trường hợp phạm tội quả tang thì cơ quan có thẩm quyền phải báo cáo để Quốc hội

hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. Quy định này thể hiện tính chất bảo vệ đặc thù đối với đại biểu, nhằm phòng ngừa các tác động không chính đáng, bảo đảm điều kiện để đại biểu thực hiện nhiệm vụ độc lập, khách quan. Ngoài ra, Điều 83 Hiến pháp năm 2013 quy định cơ chế hoạt động của Quốc hội có liên quan trực tiếp đến đại biểu, bao gồm chế độ họp kín, tổ chức kỳ họp không thường lệ khi có ít nhất một phần ba tổng số ĐBQH đề nghị. Đây là khung thể chế quan trọng, tạo môi trường pháp lý để đại biểu thực hiện các quyền và nhiệm vụ.

Như vậy, Hiến pháp hiện hành đã xác lập đầy đủ, toàn diện địa vị pháp lý của ĐBQH, tạo cơ sở cho việc thực hiện chức năng đại diện của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Trên cơ sở đó, Luật Tổ chức Quốc hội và các văn bản liên quan tiếp tục cụ thể hóa hệ thống quyền và nghĩa vụ của đại biểu, gồm tham gia xây dựng pháp luật, thảo luận và biểu quyết, chất vấn, giám sát, kiến nghị và duy trì mối liên hệ với cử tri. Những quyền hiến định này cũng đồng thời là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động của ĐBQH.

2. Địa vị pháp lý và điều kiện thực thi nhiệm vụ đại biểu Quốc hội trong mối quan hệ với tính hoạt động chuyên trách

2.1. Sự hình thành và phát triển chế định đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách

Sự hình thành và phát triển của chế định ĐBQH hoạt động chuyên trách gắn với quá trình hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Trước năm 1992, các văn bản pháp lý chưa đặt ra khái niệm này. Đến Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992, lần đầu tiên pháp luật ghi nhận sự tồn tại của hai hình thức hoạt động của đại biểu: chuyên trách và không chuyên trách, đồng thời giao Quốc hội quyết định số lượng đại biểu hoạt

động chuyên trách⁹. Các quy định này tiếp tục được kế thừa và hoàn thiện qua các lần sửa đổi, bổ sung, đặc biệt từ Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 quy định cụ thể hơn về số lượng, cơ cấu đại biểu hoạt động chuyên trách. Khoản 2 Điều 23 quy định: Số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách ít nhất là ba mươi lăm phần trăm tổng số ĐBQH. Kỳ họp thứ chín, Quốc hội khóa XIV, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014¹⁰, theo đó, số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách được quy định ít nhất bốn mươi phần trăm tổng số ĐBQH.

Từ chỗ chưa được quy định đến việc được ghi nhận trong pháp luật; từ chưa xác định số lượng đến quy định cụ thể và từng bước nâng tỷ lệ qua các lần sửa đổi Luật Tổ chức Quốc hội, đã thể hiện rõ xu hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động của Quốc hội. Thực tiễn các khóa Quốc hội cho thấy, tỷ lệ ĐBQH hoạt động chuyên trách có xu hướng tăng dần, phản ánh yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tính chuyên môn hóa và hiệu quả hoạt động của cơ quan lập pháp. Mặc dù có biến động nhất định giữa đầu và cuối nhiệm kỳ, xu hướng chung tăng số lượng đại biểu hoạt động toàn thời gian trong các cơ quan của Quốc hội¹¹.

2.2. Địa vị pháp lý và điều kiện thực thi trong mối quan hệ với tính hoạt động chuyên trách của đại biểu Quốc hội

Về mặt hiến định và pháp lý, cần khẳng định: Pháp luật Việt Nam không thiết lập hai địa vị pháp lý khác nhau giữa ĐBQH hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách. Tất cả ĐBQH đều bình đẳng trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; mỗi lá phiếu có giá trị ngang nhau; mỗi ý kiến đều tham gia vào quá trình hình thành quyết sách của Quốc hội. Pháp luật không tiếp cận ĐBQH hoạt động chuyên trách theo hướng một khái niệm pháp lý độc lập gắn với địa vị pháp lý riêng, mà chủ yếu mô tả thông qua các tiêu chí về cơ quan công tác, thời gian hoạt động và các điều kiện, chế độ bảo đảm thực hiện nhiệm vụ. Cách tiếp cận này cho thấy tính “chuyên trách” không phải là một thuộc tính làm phát sinh địa vị pháp lý khác biệt, mà là yếu tố phản ánh mức độ và điều kiện thực thi địa vị pháp lý của ĐBQH.

Đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách: Luật Tổ chức Quốc hội không phân loại trực diện giữa đại biểu hoạt động chuyên trách ở Trung ương và ở địa phương, nhưng thông qua các quy định về tổ chức và nhân sự, có thể nhận diện rõ hai nhóm này theo vị trí và phạm vi hoạt động¹². Cách quy định này cho

⁹ Điều 37 Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 quy định: “*Trong số các ĐBQH, có những đại biểu làm việc theo chế độ chuyên trách và có những đại biểu làm việc theo chế độ không chuyên trách. Số lượng ĐBQH làm việc theo chế độ chuyên trách do Quốc hội quyết định*”.

¹⁰ Luật số 65/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV.

¹¹ Báo cáo số 23/BC-QH15, tldđ: Phụ lục số 2: Thống kê số lượng ĐBQH hoạt động chuyên trách: Khóa XI: Đầu nhiệm kỳ có 119 đại biểu (đạt tỷ lệ 23,90%); cuối nhiệm kỳ tăng lên 121 đại biểu vào cuối nhiệm kỳ. Khóa XII: Đầu nhiệm kỳ có 144 đại biểu (đạt tỷ lệ 29,21%); cuối nhiệm kỳ giảm còn 138 đại biểu. Khóa XIII: Duy trì ổn định từ đầu đến cuối nhiệm kỳ: Có 155 đại biểu (đạt 31%). Khóa XIV: Đầu nhiệm kỳ có 167 đại biểu (đạt tỷ lệ 33,80%); cuối nhiệm kỳ giảm còn 152 đại biểu (31,60%). Khóa XV: Đầu nhiệm kỳ có 188 đại biểu (đạt tỷ lệ 37,67%) và tăng lên 184 đại biểu (đạt tỷ lệ 38,5%).

¹² Ở Trung ương, ĐBQH hoạt động chuyên trách chủ yếu giữ các chức danh và tham gia thường xuyên trong các thiết chế của Quốc hội. Cụ thể, thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội là ĐBQH hoạt động chuyên trách (khoản 2 Điều 44); tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các chức danh lãnh đạo và một bộ phận Ủy viên là ĐBQH hoạt động chuyên trách (khoản 1 Điều 67). Ở địa phương, ĐBQH hoạt động chuyên trách gắn với Đoàn ĐBQH, thể hiện qua quy định Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn là ĐBQH hoạt động chuyên trách (khoản 3 Điều 43).

thấy, pháp luật không phân định theo danh nghĩa, mà mô tả gián tiếp ĐBQH chuyên trách theo vị trí công tác và mức độ tham gia thường xuyên vào các hoạt động của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, qua đó hình thành tương đối rõ nét hai nhóm ĐBQH chuyên trách ở Trung ương và ở địa phương trong thực tiễn tổ chức và hoạt động.

Sự phân biệt giữa các nhóm ĐBQH hoạt động chuyên trách và không chuyên trách chỉ tồn tại trên phương diện điều kiện bảo đảm và phương thức thực hiện nhiệm vụ, không làm thay đổi địa vị pháp lý của ĐBQH.

- *Về thời gian hoạt động*: ĐBQH hoạt động chuyên trách làm việc toàn thời gian tại các cơ quan của Quốc hội hoặc Đoàn ĐBQH¹³; trong khi đó, ĐBQH hoạt động không chuyên trách phải dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của ĐBQH. Để phù hợp với điều kiện của đại biểu hoạt động không chuyên trách, Luật quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc có trách nhiệm sắp xếp thời gian, công việc, tạo điều kiện cần thiết cho ĐBQH thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu.

- *Về điều kiện làm việc*: Khoản 2 Điều 42 Luật Tổ chức Quốc hội quy định ĐBQH hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, trang bị các phương tiện vật chất, kỹ thuật cần thiết phục vụ cho hoạt động của đại biểu.

- *Về phương thức tham gia hoạt động*: Luật Tổ chức Quốc hội không thiết kế một chương riêng về hoạt động của ĐBQH hoạt động chuyên trách. Tuy nhiên, do gắn bó thường xuyên với các thiết chế của Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban), các quy định của Luật đã

hàm chứa những nội dung phản ánh vai trò và phương thức tham gia mang tính chủ yếu của ĐBQH hoạt động chuyên trách¹⁴. Qua đó, tạo điều kiện để ĐBQH chuyên trách tham gia sâu hơn vào các hoạt động thẩm tra, giám sát và xây dựng pháp luật.

Trong môi quan hệ đó, thời gian và điều kiện hoạt động trở thành yếu tố quyết định mức độ hiện thực hóa quyền và nghĩa vụ của ĐBQH. Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại biểu không chỉ dừng ở sự tham gia hình thức, mà đòi hỏi sự đầu tư thực chất về nghiên cứu, chuẩn bị, thảo luận và giám sát. Do đó, không thể viện dẫn tính “kiêm nhiệm” như một lý do làm giảm mức độ tham gia hoặc trách nhiệm của ĐBQH. Trong điều kiện Quốc hội là thiết chế đại diện, hoạt động theo chế độ hội nghị và không làm việc thường xuyên, vai trò của từng đại biểu phụ thuộc lớn vào mức độ chủ động và đầu tư trong thực hiện nhiệm vụ. Với cơ cấu đa dạng về thành phần, các ĐBQH hoạt động không chuyên trách - với lợi thế về kinh nghiệm thực tiễn - có khả năng đóng góp quan trọng vào chất lượng chính sách, với điều kiện bảo đảm sự đầu tư thời gian và trách nhiệm tương xứng.

Như vậy, việc hoạt động chuyên trách hay không chuyên trách không làm thay đổi địa vị pháp lý của ĐBQH, nhưng tác động trực tiếp đến điều kiện thực thi và chất lượng thực hiện quyền, nghĩa vụ của đại biểu trong thực tiễn.

3. Cơ cấu và kết quả hoạt động của đại biểu Quốc hội khóa XV

3.1. Cơ cấu, chất lượng đại biểu Quốc hội khóa XV

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV ghi nhận tỷ lệ ĐBQH có trình độ trên đại học đạt mức cao nhất từ trước đến nay, qua đó góp phần nâng

¹³ Điều 24 Luật Tổ chức Quốc hội.

¹⁴ Ví dụ: khoản 3 Điều 26 Luật Tổ chức Quốc hội quy định ĐBQH hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị ĐBQH hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

cao tính chuyên sâu trong hoạt động lập pháp và giám sát tối cao. Trong tổng số 499 đại biểu, có 392 đại biểu có trình độ trên đại học (78,56%), trong đó gồm 144 tiến sĩ (28,86%) và 248 thạc sĩ (49,70%); số đại biểu có trình độ đại học là 106 người (21,24%) và 01 đại biểu có trình độ dưới đại học (0,20%). Về cơ cấu thành phần: Đại biểu là phụ nữ: 151 người (tỷ lệ 30,26%); đại biểu là người dân tộc thiểu số: 89 người (tỷ lệ 17,84%); đại biểu trẻ dưới 40 tuổi: 47 người (tỷ lệ 9,42%); đại biểu là người ngoài Đảng: 14 người (tỷ lệ 2,81%); đại biểu khóa XIV tái cử hoặc đã từng là ĐBQH các khóa trước: 203 người (tỷ lệ 40,68%); đại biểu lần đầu tham gia Quốc hội: 296 người (tỷ lệ 59,32%). Một điểm đáng chú ý khi tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách tiếp tục được nâng lên, đạt 193 người (khoảng 38,6%), tiệm cận mục tiêu 40% theo định hướng của Đảng và quy định của Luật Tổ chức Quốc hội¹⁵. Đây là điều kiện trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng thẩm tra, giám sát, thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Xét trong tổng thể, Quốc hội khóa XV đã cơ bản bảo đảm yêu cầu về số lượng, cơ cấu và chất lượng đại biểu; trong đó, tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách tuy chưa đạt mức 40% nhưng là mức cao nhất trong 15 nhiệm kỳ Quốc hội, tiếp tục khẳng định xu hướng gia tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội.

3.2. Kết quả hoạt động và một số hạn chế

Trong nhiệm kỳ, các ĐBQH đã phát huy bản lĩnh chính trị, trách nhiệm trước cử tri và Nhân dân, tham gia ngày càng thực chất vào các chức năng lập pháp, giám sát và quyết

định những vấn đề quan trọng của đất nước; hoạt động nghị trường có nhiều đổi mới theo hướng thẳng thắn, tranh luận sâu, bám sát thực tiễn. Đại biểu chủ động hơn trong tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, kịp thời phản ánh, kiến nghị các vấn đề bức xúc, qua đó góp phần nâng cao tính phân biện và khả thi của chính sách.

ĐBQH hoạt động chuyên trách tiếp tục khẳng định vai trò nòng cốt tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, với chất lượng, tính chuyên nghiệp ngày càng được nâng lên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội trong bối cảnh yêu cầu phát triển đất nước ngày càng cao. Các Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn, ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương đã chủ động tổ chức triển khai hiệu quả hoạt động của Đoàn; gắn kết các đại biểu trong Đoàn; phát huy vai trò của Đoàn trong việc làm cầu nối giữa Quốc hội và địa phương, tham gia tích cực các hoạt động do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban tổ chức. Cơ chế, chính sách và điều kiện hoạt động của ĐBQH được quan tâm, tăng cường, hoàn thiện, bảo đảm kịp thời¹⁶. Trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã quyết định bổ sung một số chế độ đối với ĐBQH chuyên trách, nhất là trong công tác hoàn thiện thể chế theo tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ĐBQH¹⁷.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ cấu và hoạt động của ĐBQH còn một số khó khăn, hạn chế như: Tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách, đại biểu nữ, đại biểu ngoài Đảng, đại biểu người dân tộc thiểu số, đại biểu là nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học

¹⁵ Báo cáo số 748/BC-HĐBCQG ngày 10/6/2021 của Hội đồng Bầu cử quốc gia về kết quả bầu cử ĐBQH khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

¹⁶ Báo cáo số 23/BC-QH15, tltđ, tr. 21, 22.

¹⁷ Xem thêm: Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

tiêu biểu vẫn chưa đạt so với yêu cầu đặt ra; Vẫn còn đại biểu chưa thật sự tích cực tham gia đóng góp ý kiến; Còn một số kiến nghị của Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố chưa được nghiên cứu, xem xét giải quyết thỏa đáng; Có một số ĐBQH vi phạm pháp luật bị bãi nhiệm hoặc bị cho thôi làm ĐBQH¹⁸.

4. Bối cảnh và kết quả công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

4.1. Bối cảnh cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

Thứ nhất, diễn ra trong bối cảnh chính trị - xã hội đặc biệt thuận lợi. Cuộc bầu cử được tổ chức ngay sau thành công của Đại hội XIV của Đảng, trong không khí phấn khởi, niềm tin được củng cố sau chặng đường 80 năm độc lập và 40 năm đổi mới. Đây là nền tảng quan trọng tạo sự đồng thuận xã hội cao và huy động được sự tham gia tích cực của cử tri cả nước.

Thứ hai, rút ngắn thời gian tổ chức nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ quy trình, tiêu chuẩn. Thời gian chuẩn bị và tiến hành bầu cử được rút ngắn khoảng 02 tháng so với các nhiệm kỳ trước, trong khi toàn bộ các bước vẫn phải thực hiện đầy đủ, chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Tổng thời gian từ khi kết thúc việc nộp hồ sơ ứng cử đến ngày bầu cử được rút ngắn từ 70 ngày xuống còn 42 ngày¹⁹. Một số khâu quan trọng diễn ra sát Tết Nguyên đán, đòi hỏi tổ chức thực hiện với cường độ cao, kỷ luật chặt chẽ và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cấp, các ngành.

Thứ ba, điều kiện tổ chức có nhiều thay đổi, phức tạp hơn. Cuộc bầu cử diễn ra trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, thay đổi tổ chức bộ máy và nhân sự ở nhiều địa phương; phạm vi, quy mô tổ chức được mở

rộng tại nhiều địa bàn đông dân cư. Đồng thời, các yếu tố như địa bàn rộng, điều kiện khó khăn ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và biến động dân cư tại đô thị, khu công nghiệp... làm gia tăng yêu cầu đối với công tác tổ chức và quản lý.

Thứ tư, lần đầu tiên đẩy mạnh chuyển đổi số một cách toàn diện trong công tác bầu cử. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được triển khai đồng bộ ở nhiều khâu: lập và quản lý danh sách cử tri, cấp giấy chứng nhận cử tri điện tử, tích hợp thông tin trên nền tảng định danh điện tử VNeID, hỗ trợ tra cứu thông tin ứng cử viên và theo dõi quá trình bầu cử. Đây là bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, chính xác và hiệu quả của cuộc bầu cử.

Trong bối cảnh có nhiều yếu tố thuận lợi đan xen với không ít khó khăn, thách thức, cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI vẫn được tổ chức thành công, bảo đảm dân chủ, đúng pháp luật, an toàn và hiệu quả. Kết quả đó trước hết bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên, toàn diện và kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự điều hành thống nhất, quyết liệt của Quốc hội, Hội đồng Bầu cử quốc gia, Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành trong toàn hệ thống chính trị và tham gia, hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân.

4.2. Kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI

Ngày 15/3/2026, hơn 76 triệu cử tri, tương đương 99,70%, tham gia bầu cử²⁰. Cuộc bầu cử được tổ chức đồng bộ, chặt chẽ, đúng quy trình, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, thực sự trở

¹⁸ Báo cáo số 23/BC-QH15, tđđd, tr. 21, 22.

¹⁹ Khoản 1 Điều 35 Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

²⁰ Báo cáo số 234/BC-HĐBCQG ngày 21/3/2026 của Hội đồng Bầu cử quốc gia về Kết quả bầu cử ĐBQH khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, tr.1.

thành ngày hội của toàn dân. Kết quả bầu cử cho thấy những chuyển biến rõ nét cả về quy mô, cơ cấu và chất lượng đại biểu. Tổng số ĐBQH được bầu là 500 người trên tổng số 863 người ứng cử. Trong đó, 286 đại biểu do các cơ quan, tổ chức ở địa phương giới thiệu trúng cử; 145 đại biểu hoạt động chuyên trách ở Trung ương trúng cử.

Về cơ cấu, thành phần, đại biểu phụ nữ có 150 người (30%); đại biểu người dân tộc thiểu số có 76 người (15,20%); đại biểu là người ngoài Đảng có 18 người (3,6%); đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) có 33 người (6,6%). Số đại biểu đã từng tham gia Quốc hội (khóa XV hoặc các khóa trước) 247 người, đại biểu lần đầu tham gia là 253 người (50,60%). Đáng chú ý, lần đầu tiên Quốc hội có đại diện của dân tộc Ô Đu - một trong những dân tộc rất ít người ở Việt Nam; đồng thời, tỷ lệ đại biểu nữ tiếp tục duy trì ở mức cao (30%), phản ánh sự quan tâm trong bảo đảm tính đại diện và tính bao trùm của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất²¹.

Về trình độ chuyên môn, số đại biểu có trình độ trên đại học là 418 người (83,60%), cao hơn 5,04% so với nhiệm kỳ khóa XV và 21,1% so với khóa XIV; trình độ đại học có 80 người (16,0%); dưới đại học có 2 người (0,40%)²². Các số liệu này cho thấy chất lượng đại biểu tiếp tục được nâng lên không chỉ về bằng cấp mà còn gắn với yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm thực tiễn và khả năng đáp ứng nhiệm vụ trong bối cảnh mới.

Tỷ lệ đại biểu hoạt động chuyên trách tiếp tục được củng cố. Tỷ lệ ĐBQH dự kiến hoạt động chuyên trách đạt 40% - mức cao nhất từ trước đến nay, tăng 1,4% so với khóa XV, 5,5% so với khóa XIV, 7,2% so với khóa

XIII và 10,6% so với khóa XII. So sánh theo tiến trình các nhiệm kỳ, tỷ lệ này đã tăng đáng kể từ khoảng 23,9% ở khóa XI lên gần 40% ở các khóa gần đây, phản ánh sự chuyển dịch nhất quán theo hướng chuyên nghiệp hóa hoạt động của Quốc hội²³. Cùng với đó, cơ cấu đại biểu tiếp tục được điều chỉnh theo hướng giảm tỷ lệ đại biểu kiêm nhiệm trong các cơ quan hành pháp, tư pháp, qua đó tạo điều kiện nâng cao tính độc lập tương đối và chất lượng hoạt động nghị trường.

Bên cạnh đó, lần đầu tiên trong 16 nhiệm kỳ Quốc hội, số đại biểu do Trung ương giới thiệu về địa phương ứng cử đạt tỷ lệ trúng cử cao²⁴, bảo đảm đúng tỷ lệ theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội. Điều này cho thấy sự chuẩn bị chặt chẽ trong công tác nhân sự và sự đồng thuận cao của cử tri đối với các ứng cử viên.

Nhìn tổng thể, so với các nhiệm kỳ trước, cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI không chỉ bảo đảm yêu cầu về cơ cấu, thành phần mà đã chuyển trọng tâm rõ rệt sang tiêu chuẩn, năng lực, uy tín và khả năng thực thi nhiệm vụ của đại biểu. Kết quả đạt được có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu sắc, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Quốc hội; đồng thời bảo đảm tốt hơn tính đại diện của các tầng lớp nhân dân, trong đó có phụ nữ và các dân tộc thiểu số, qua đó đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của đại biểu Quốc hội khóa XVI

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội qua các thời kỳ, đặc biệt từ khi Luật Tổ chức Quốc hội năm 1992 lần đầu ghi nhận chế định ĐBQH hoạt động chuyên trách và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014

²¹ Báo cáo số 234/BC-HĐBCQG, t.1, tr. 16.

²² Báo cáo số 234/BC-HĐBCQG, t.1, tr. 17.

²³ Báo cáo số 234/BC-HĐBCQG, t.1, tr. 17.

²⁴ 214 ĐBQH trúng cử trong tổng số 216 ứng cử do Trung ương giới thiệu.

từng bước hoàn thiện về cơ cấu, số lượng đại biểu, có thể thấy yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ĐBQH trong nhiệm kỳ khóa XVI đặt ra ngày càng toàn diện và cấp thiết hơn. Trong bối cảnh đó, một số giải pháp cần được xem xét triển khai với cách tiếp cận mang tính hệ thống, đồng bộ và có cơ sở lý luận, thực tiễn vững chắc.

Thứ nhất, về phương diện thể chế, cần tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa nguyên tắc hiến định về sự bình đẳng trong địa vị pháp lý của ĐBQH, không phân biệt đại biểu hoạt động chuyên trách hay không chuyên trách. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là nguyên tắc chính trị quan trọng nhằm bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Trên cơ sở đó, cần hoàn thiện các quy định về điều kiện bảo đảm thực thi nhiệm vụ theo hướng phân biệt hợp lý về cơ chế hỗ trợ, nhưng không làm giảm mức độ trách nhiệm hay vai trò của bất kỳ loại hình đại biểu nào. Đồng thời, cần nhận thức đầy đủ rằng, trong một Quốc hội đa dạng về thành phần, chính sự kết hợp giữa tính chuyên sâu của đại biểu chuyên trách và chiều rộng kinh nghiệm thực tiễn của đại biểu không chuyên trách là yếu tố tạo nên chất lượng tổng hợp của hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định.

Thứ hai, về bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, cần thiết lập và thực thi nghiêm các cơ chế ràng buộc trách nhiệm về thời gian đối với ĐBQH. Thời gian trong trường hợp này không chỉ là yếu tố kỹ thuật, mà phải được nhìn nhận như một tiêu chí phản ánh mức độ thực hiện trách nhiệm chính trị trước cử tri. Việc tham gia hoạt động Quốc hội cần được nâng lên từ “sự hiện diện hình thức” sang “sự tham gia thực chất”, đòi hỏi mỗi đại biểu phải đầu tư công sức cho nghiên cứu, chuẩn bị, thảo luận và theo dõi đến cùng các vấn đề được quyết định.

Thứ ba, về nâng cao năng lực, cần chuyển

manh từ cách tiếp cận thiên về “địa vị pháp lý” sang “năng lực thực thi quyền lực”. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, khoảng cách giữa quyền hạn được quy định trong luật và hiệu quả tác động trong đời sống phụ thuộc chủ yếu vào kỹ năng hoạt động của đại biểu. Do đó, cần đổi mới căn bản công tác bồi dưỡng đại biểu theo hướng chuyên sâu, thực chất, lấy kỹ năng làm trung tâm, trong đó tập trung vào các nhóm năng lực cốt lõi như phân tích chính sách, tranh luận và phản biện nghị trường, giám sát và chất vấn, kết nối và chuyển tải ý chí, nguyện vọng của cử tri, cũng như năng lực làm việc trong môi trường số. Đây phải được xác định là trụ cột để nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu trong điều kiện mới.

Thứ tư, về bảo đảm nguồn lực hỗ trợ, cần xây dựng và hoàn thiện “hệ sinh thái” phục vụ hoạt động của ĐBQH theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và tích hợp. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu pháp lý, cơ chế cung cấp ý kiến chuyên gia, đội ngũ trợ lý... cần được tổ chức bài bản, đồng bộ, tạo điều kiện để đại biểu có đầy đủ công cụ phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định có chất lượng cao. Đây là điều kiện vật chất - kỹ thuật không thể thiếu để chuyển hóa hiệu quả quyền lực nhà nước được giao.

Thứ năm, về cơ chế đánh giá và khuyến khích, cần từng bước hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá đại biểu dựa trên kết quả hoạt động thực chất, thay vì chỉ dựa trên các tiêu chí hình thức, định tính. Các chỉ số như chất lượng phát biểu, mức độ tham gia thảo luận, hiệu quả giám sát, khả năng theo đuổi vấn đề đến cùng và mức độ hài lòng, tín nhiệm của cử tri cần được nghiên cứu, lượng hóa phù hợp để làm căn cứ cho việc ghi nhận, khen thưởng và cả việc xem xét trách nhiệm.

Yếu tố có ý nghĩa quyết định vẫn là trách nhiệm cá nhân của ĐBQH. Trong điều kiện yêu cầu ngày càng cao của Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa và sự kỳ vọng ngày càng lớn của Nhân dân, mỗi đại biểu cần không ngừng tự học, tự rèn luyện, tự nâng cao năng lực và bản lĩnh chính trị, coi đó vừa là nghĩa vụ pháp lý, vừa là trách nhiệm chính trị và danh dự của người đại biểu của Nhân dân. Khi hội tụ đầy đủ các yếu tố thể chế, điều kiện bảo đảm, năng lực và trách nhiệm, hoạt động của ĐBQH khóa XVI sẽ đạt được hiệu quả thực chất, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Kết luận

Kết quả cuộc bầu cử ĐBQH khóa XVI cho thấy, đã hình thành đội ngũ 500 ĐBQH với

chất lượng được nâng cao rõ rệt. Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, yêu cầu đặt ra không dừng ở chất lượng đầu vào, mà ở việc chuyển hóa thành hiệu quả hoạt động thực chất. Chất lượng là nền tảng, nhưng không tự thân tạo ra hiệu quả; hiệu quả chỉ được xác lập thông qua năng lực, bản lĩnh và mức độ thực thi nhiệm vụ của mỗi đại biểu.

Từ đó cho thấy, hiệu quả hoạt động không phụ thuộc vào việc phân định ĐBQH hoạt động chuyên trách hay không chuyên trách, mà phụ thuộc vào cách thức mỗi ĐBQH thực hiện đầy đủ, đến cùng trách nhiệm của mình trước cử tri và Nhân dân ■

TIẾP TỤC XÂY DỰNG... (tiếp theo trang 8)

thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ khuyến khích sự ra đời của những lĩnh vực kinh tế mới, mô hình doanh nghiệp mới, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

- Về xây dựng và hoàn thiện thể chế bảo vệ môi trường: Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ trung ương đến cơ sở. Tiếp tục hoàn thiện các thể chế về kiểm tra, thanh tra, chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các thể chế về văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, Chính phủ cần tập trung hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật cụ thể hóa: “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Xây dựng bộ chỉ số quốc gia về phát triển văn hóa, hoàn thiện chính sách

pháp luật về nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa. Về khoa học công nghệ: tập trung hoàn thiện thể chế thúc đẩy mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia phát triển phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, khuyến khích doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ, khuyến khích tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ. Về giáo dục, xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật thu hút mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục nhanh hơn, mạnh hơn, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, xây dựng văn hóa học đường, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

Xây dựng và hoàn thiện thể chế nói chung, thể chế pháp luật quản lý phát triển kinh tế - xã hội nói riêng trong kỷ nguyên số không chỉ là xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, mà còn là nền tảng bảo đảm cho sự vận hành hiệu quả của nền kinh tế số, xã hội số và công dân số ■